

Biểu mẫu 06

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC TẦM VU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1112	234	211	205	232	230
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1112	234	211	205	232	230
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
A.	Số học sinh chia theo năng lực						
1	Tự chủ và tự học	882					
	Tốt (Tỷ lệ 86,5%)	763	210	156	182	215	
	Đạt (Tỷ lệ 12,7%)	112	22	50	23	17	
	Cần cố gắng (Tỷ lệ 0,8%)	7	2	5	0	0	
2	Giao tiếp và hợp tác	882					
	Tốt (Tỷ lệ 89,5%)	789	210	159	197	223	
	Đạt (Tỷ lệ 10,4%)	92	24	51	8	9	
	Cần cố gắng (Tỷ lệ 0,1 %)	1	0	1	0	0	
3	Giải quyết vấn đề, sáng tạo	882					
	Tốt (Tỷ lệ 85,2%)	752	198	158	186	210	
	Đạt (Tỷ lệ 14,3%)	126	33	52	19	22	
	Cần cố gắng (Tỷ lệ 0,5%)	4	3	1	0	0	
4	Ngôn ngữ	882					
	Tốt (Tỷ lệ 85,03%)	750	198	159	179	214	
	Đạt (Tỷ lệ 14,4%)	127	33	50	26	18	
	Cần cố gắng (Tỷ lệ 0,56%)	5	3	2	0	0	
5	Tính toán	882					
	Tốt (Tỷ lệ 85,3%)	752	210	165	171	206	
	Đạt (Tỷ lệ 14,4%)	127	22	45	34	26	
	Cần cố gắng (Tỷ lệ 0,34%)	3	2	1	0	0	
6	Khoa học	882					
	Tốt (Tỷ lệ 91,3%)	805	215	173	192	225	
	Đạt ((Tỷ lệ 8,5%)	75	18	37	13	7	
	Cần cố gắng (Tỷ lệ 0,2%)	2	1	1	0	0	
7	Thẩm mỹ	882					

	Tốt (Tỷ lệ 92,4%)	815	215	174	194	232	
	Đạt (Tỷ lệ 7,5%)	66	19	36	11	0	
	Cần cố gắng (Tỷ lệ 0,1%)	1	0	1	0	0	
8	Thể chất	882					
	Tốt (Tỷ lệ 95,2%)	840	214	192	203	231	
	Đạt (Tỷ lệ 4,8%)	42	20	19	2	1	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
9	Tin học	437					
	Tốt (Tỷ lệ 91,8%)	401			186	215	
	Đạt (Tỷ lệ 8,2%)	36			19	17	
	Cần cố gắng	0			0	0	
10	Công nghệ	437					
	Tốt (Tỷ lệ 94,5%)	413			194	219	
	Đạt (Tỷ lệ 5,5%)	24			11	13	
	Cần cố gắng	0			0	0	
11	Tự phục vụ, tự quản	230					
	Tốt (Tỷ lệ 97,8%)	225					225
	Đạt (Tỷ lệ 2,2%)	5					5
	Cần cố gắng	0					0
12	Hợp tác	230					
	Tốt (Tỷ lệ 94,3%)	217					217
	Đạt (Tỷ lệ 5,7%)	13					13
	Cần cố gắng	0					0
13	Tự học và giải quyết vấn đề	230					
	Tốt (Tỷ lệ 86,1%)	198					198
	Đạt (Tỷ lệ 13,9%)	32					32
	Cần cố gắng	0					0
B.	Số học sinh chia theo phẩm chất:						
1	Yêu nước	882					
	Tốt (Tỷ lệ 98,4%)	868	230	201	205	232	
	Đạt (Tỷ lệ 1,6%)	14	4	10	0	0	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2	Nhân ái	882					
	Tốt (Tỷ lệ 98,3%)	867	229	201	205	232	
	Đạt (Tỷ lệ 1,7%)	15	5	10	0	0	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
3	Chăm chỉ	882					

	Tốt (Tỷ lệ 88,5%)	781	224	165	188	204	
	Đạt (Tỷ lệ 11%)	97	8	44	17	28	
	Cần cố gắng (Tỷ lệ 0,5%)	4	2	2	0	0	
4	Trung thực	882					
	Tốt (Tỷ lệ 96,7%)	853	228	190	203	232	
	Đạt (Tỷ lệ 3,2%)	28	6	20	2	0	
	Cần cố gắng (Tỷ lệ 0,1%)	1	0	1	0	0	
5	Trách nhiệm	882					
	Tốt (Tỷ lệ 95,4%)	841	227	186	203	225	
	Đạt (Tỷ lệ 4,5%)	40	7	24	2	7	
	Cần cố gắng (Tỷ lệ 0,1%)	1	0	1	0	0	
6	Chăm học, chăm làm	230					
	Tốt (Tỷ lệ 84,8%)	195					195
	Đạt (Tỷ lệ 15,2%)	35					35
	Cần cố gắng	0					0
7	Tự tin, trách nhiệm	230					
	Tốt (Tỷ lệ 93%)	214					214
	Đạt (Tỷ lệ 7%)	16					16
	Cần cố gắng	0					0
8	Trung thực, kỉ luật	230					
	Tốt (Tỷ lệ 97%)	223					223
	Đạt (Tỷ lệ 3%)	7					7
	Cần cố gắng	0					0
9	Đoàn kết, yêu thương	230					
	Tốt (Tỷ lệ 99,1%)	228					228
	Đạt (Tỷ lệ 0,9%)	2					2
	Cần cố gắng	0					0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1112					
1	<i>Hoàn thành xuất sắc (Tỷ lệ 47,7%)</i>	530	175	123	113	119	
2	<i>Hoàn thành tốt (Tỷ lệ 12,9%)</i>	143	1	11	5	0	126
3	<i>Hoàn thành (Tỷ lệ 38,1%)</i>	424	50	70	87	113	104
4	<i>Chưa hoàn thành (Tỷ lệ 1,3%)</i>	15	8	7	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						

1	Lên lớp (Tỷ lệ 98,7%)	1097	226	204	205	232	230
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ 47,7%)	530	175	123	113	119	175
b	HS được cấp trên khen thưởng (Tỷ lệ 2,8%)	31	4	2	4	8	13
2	Ở lại lớp (Tỷ lệ 1,3%)	15	8	7	0	0	0

Bình Thạnh, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)

(Đã kí)

Trần Thị Thuý Phượng